TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2024/DS-ST
Ngày: 15-4-2024
"V/v Tranh về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bàng

2. Ông Phạm Đức Hoài

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 tháng 4 năm 2024 và ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TT, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn X, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp TX, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 07/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N trình bày và yêu cầu như sau*:

Vào năm 2008, chị có cho anh Lê Văn L vay (mượn) 02 chỉ vàng 995 (loại vàng 9999) không kỳ hạn, khi nào anh Lê Văn L có trả lại cho chị, sau đó anh Lê Văn L bị bệnh và chết vào ngày 24 tháng 3 năm 2021. Khi anh Lê Văn L sinh sống có tạo lập được 05 công đất và 01 chiếc xe SH Ý, biển kiểm soát 15B3-299.81 (xe mua lại của người khác), sau khi anh Lê Văn L chết để lại tài sản nói trên thì anh Lê Văn X quản lý, sở hữu, sử dụng đến nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Văn X có trách nhiệm trả cho chị 02 chỉ vàng, loại vàng 995 (loại vàng 9999) thay anh Lê Văn L vay mượn vào năm 2008, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác. Anh Lê Văn L không có vợ con, hiện nay cha mẹ của anh Lê Văn L cũng đã chết. Chị xác định, anh Lê Văn L có 05 công đất ruộng được cha mẹ của anh Lê Văn L cho sử dụng cách nay hơn 10 năm và 01 chiếc xe SH Ý, biển kiểm soát 15B3-299.81 (xe mua lại của người khác), có anh Lê Hùng C, bà Nguyễn Thị P, anh Lê Văn Ng, cùng địa chỉ: ấp TX, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang biết.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04 tháng 3 năm 2024 và đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình hòa giải, xét xử vụ án, bị đơn anh Lê Văn X trình bày như sau*:

Anh chị xác định, trước đây anh ruột của anh tên Lê Văn L có mượn của chị Lê Thị Mỹ N số tiền là 2.000.000 đồng, thời gian này anh không nhớ rõ, chị Lê Thị Mỹ N có đến gặp anh Lê Văn L ký giấy nhận nợ quy ra vàng, loại 995, nay anh Lê Văn L đã chết, chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh trả thay cho anh Lê Văn L số nợ trên thì anh không đồng ý, vì anh không có vay mượn, đồng thời lúc anh Lê Văn L còn sống thì anh Lê Văn L cũng không bàn giao nghĩa vụ trả nợ cho anh. Đối với 05 công đất tầm 03 mét chị Lê Thị Mỹ N cho rằng tài sản của anh Lê Văn L để lại là chưa đúng, trong đó mẹ của anh tặng cho lại cho anh 03 công đất tầm 03 mét, cho anh Lê Văn L 02 công đất tầm 03 mét nhưng anh Lê Văn L đã chuyển nhượng (bán) lại cho anh để lấy tiền chữa bệnh, diện tích đất này anh đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra anh Lê Văn L có 01 chiếc xe SH, biển kiểm soát 15B3-299.81, trị giá chiếc xe anh không biết chính xác khoảng 15.000.000 đồng, anh Lê Văn L đã tặng cho anh sử dụng để làm phương tiện đi lại lo chữa bệnh cho anh Lê Văn L, khi tặng cho bằng lời nói, không có làm văn bản giấy tờ gì, khi anh Lê Văn L chết các khoản chi phí đi lại, tiền thuốc và mai táng anh chi trả và thờ cúng đến nay. Anh thống nhất trả cho chị Lê Thị Mỹ N 2.000.000 đồng, anh bận công việc gia đình không tham gia xét xử được, anh yêu cầu giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh.

** Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, chị Lê Kiều H trình bày như sau*:

Chị làm công tác tại địa phương và sinh sống gần nhà anh Lê Văn L, biết được anh Lê Văn L chưa có vợ con, đối với 05 công đất tầm 03 mét gia đình anh Lê Văn L đã bán lại cho anh Lê Văn X, hiện nay anh Lê Văn X đang sử dụng; đối với chiếc xe SH, anh Lê Văn L mua từ người khác chị không rõ. Về việc chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X trả thay cho anh Lê Văn L 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 thì chị xác định, anh Lê Văn L chỉ nợ chị Lê Thị Mỹ N 2.000.000 đồng.

** Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, anh Phạm Hoàng Th trình bày như sau*:

Anh xác định, từ trước đến nay anh Lê Văn L sinh sống tại ấp TX không có vợ con, đối với diện tích đất gia đình anh Lê Văn L hiện nay anh Lê Văn X đang sử dụng, đối với chiếc xe SH trước đấy anh Lê Văn L mua của người khác hiện nay ai đang quản lý, sử dụng thì anh không rõ. Về việc chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X trả thay cho anh Lê Văn L 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 thì anh cũng không rõ việc này. Tóm lại anh không nắm rõ số nợ giữa chị Lê Thị Mỹ N, anh Lê Văn L và anh Lê Văn X.

** Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, bà Phạm Thị BL trình bày như sau*:

Bà không có mối quan hệ bà con gì với anh Lê Văn X và chị Lê Thị Mỹ N, là quan hệ xóm giềng biết được như sau: Chị Lê Thị Mỹ N cho rằng khi anh Lê Văn L còn sống nợ chị Lê Thị Mỹ N 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 là không đúng, anh Lê Văn L nói lại, vào năm 2008, anh Lê Văn L có mượn chị Lê Thị Mỹ N 2.000.000 đồng, sau khi anh Lê Văn L chết, anh Lê Văn X có cầm tiền trả cho chị Lê Thị Mỹ N 2.000.000 đồng thì chị Lê Thị Mỹ N không đồng ý nhận mà buộc anh Lê Văn X trả thay cho anh Lê Văn L 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999. Đối với đất thì bà không xác định được là bao nhiêu, anh Lê Văn L bán lại cho anh Lê Văn X lấy tiền sinh sống và chữa bệnh, diện tích đất này hiện nay anh Lê Văn X đang sử dụng; đối với chiếc xe SH, biển kiểm soát 15B3-299.81, trước đây anh Lê Văn L mua của người khác hiện nay anh Lê Văn X cũng đang quản lý sử dụng, khi anh Lê Văn L còn sống bà không nghe nói tặng cho hay bán cho ai. Bà xác định, chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X trả thay cho anh Lê Văn L

02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 là không đúng, vì chị Lê Thị Mỹ N cho anh Lê Văn L mượn 2.000.000 đồng.

** Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, bà Trần Thị P trình bày như sau*:

Bà xác định, từ trước đến nay anh Lê Văn L chưa có vợ con, bà không biết rõ anh Lê Văn L mượn số lượng vàng loại vàng 9999 của chị Lê Thị Mỹ N. Đối với tài sản của anh Lê Văn L là 05 công đất tầm 03 mét mà gia đình đã cho anh Lê Văn L trước đây và chiếc xe SH, biển kiểm soát 15B3-299.81, trước đây anh Lê Văn L mua của người khác hiện nay anh Lê Văn X đang quản lý và sử dụng. Chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X trả nợ thay cho anh Lê Văn L 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 là phù hợp.

** Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, chị Lê Thị Nh trình bày như sau*:

Chị và anh Lê Văn L, anh Lê Văn X, chị Lê Thị Mỹ N là anh chị em ruột. Trước đây gia đình cho anh Lê Văn L 02 công đất tầm 03 mét, còn lại 03 công đất tầm 03 mét cho anh Lê Văn X; khi anh Lê Văn L còn sống có bán cho anh Lê Văn X 02 công đất tầm 03 mét để lấy tiền chữa bệnh đến khi anh Lê Văn L chết, hiện nay diện tích đất 05 công đất tầm 03 mét anh Lê Văn X quản lý sử dụng; đối với chiếc xe SH, biển kiểm soát 15B3-299.81, trước đây anh Lê Văn L mua của người khác hiện nay anh Lê Văn X đang quản lý và sử dụng, trước khi anh Lê Văn L chết chị không nghe anh Lê Văn L nói giao chiếc xe này cho ai sở hữu. Trước đây chị có nghe anh Lê Văn L nói lại, vào năm 2008, anh Lê Văn L có mượn của chị Lê Thị Mỹ N 2.000.000 đồng, khi đó chị Lê Thị Mỹ N bán 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 để cho anh Lê Văn L mượn, từ khi mượn đến nay anh Lê Văn L chưa trả cho chị Lê Thị Mỹ N nên chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X trả cho chị Lê Thị Mỹ N 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 thay cho anh Lê Văn L, từ đó mới có sự việc tranh chấp này.

** Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, anh Lê Hùng C trình bày như sau*:

Anh và anh Lê Văn L, anh Lê Văn X, chị Lê Thị Mỹ N là anh chị em ruột, biết được sự việc như sau: Đối với diện tích đất 05 công đất tầm 03 mét gia đình đã cho anh Lê Văn L và chiếc xe SH, biển kiểm soát 15B3-299.81 anh Lê Văn L mua của người khác hiện nay anh Lê Văn X đang quản lý và sử dụng, trước khi

anh Lê Văn L chết anh không nghe anh Lê Văn L nói giao chiếc xe này lại cho ai sở hữu. Đối với 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 anh Lê Văn L có mượn để làm chi phí sinh hoạt cho đến khi anh Lê Văn L chết chưa trả cho chị Lê Thị Mỹ N. Anh xác định tài sản anh Lê Văn L chết để lại 05 công đất tầm 03 mét và chiếc xe SH, biển kiểm soát 15B3-299.81 hiện nay anh Lê Văn X đang quản lý và sử dụng. Chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X trả cho chị Lê Thị Mỹ N 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 thay cho anh Lê Văn L là phù hợp, hợp lý.

** Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, anh Lê Văn Ng trình bày như sau*:

Anh là anh chị em ruột của anh Lê Văn L, anh Lê Văn X, chị Lê Thị Mỹ N, biết được sự việc như sau: Trước đây khoảng năm 2008, anh Lê Văn L mượn vàng hay tiền của chị Lê Thị Mỹ N số lượng anh không biết rõ và cũng không biết anh Lê Văn L có trả cho chị Lê Thị Mỹ N hay chưa. Đối với diện tích đất 05 tầm 03 mét trước đây gia đình cho anh Lê Văn L 02 công đất tầm 03 mét, còn lại 03 công đất tầm 03 mét cho anh Lê Văn X, anh Lê Văn L đã bán cho anh Lê Văn X để lấy tiền chi phí chữa bệnh, hiện nay anh Lê Văn X quản lý sử dụng. Đối với chiếc xe SH, biển kiểm soát 15B3-299.81 hiện nay anh Lê Văn X đang quản lý và sử dụng, khi anh Lê Văn L còn sống không để lại cho ai sở hữu. Chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X trả cho chị Lê Thị Mỹ N 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 thay cho anh Lê Văn L thì anh thấy buộc anh Lê Văn X trả 10.000.000 đồng là hợp tình, hợp lý.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân Lê Thị Mỹ N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976 (Bản photo); Tờ giấy tập ghi nội dung anh Lê Văn L mượn tiền của chị Mỹ Nương vào năm 208 (Bản chính); Biên bản về việc hòa giải ngày 25/5/2023 của ấp TX (Bản chính); Tờ tường trình ngày 23/3/2023 cuả anh Lê Văn X (Bản chính); Phiếu thực hiện hòa giải ở cơ sở không ghi ngày tháng năm ấp TX (Bản chính); 03 Giấy mời các ngày 03/4/2023, ngày 18/4/2023 và ngày 03/5/2023 của ấp TX (Bản chính); Đơn yêu cầu ngày 21/3/2023 của chị Lê Thị Mỹ N (Bản photo); Xác nhận thông tin về cư trú của Phạm Văn Tổng ngày 30/5/2023 của Công an xã Đông Thái (Bản chính); Trích lục khai tự anh Lê Văn L số: 40/TLKT-BS ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thái (Bản sao); 07 Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an xã Đông Thái (Bản chính); Đơn xin xác nhận mối quan hệ với anh Lê Văn L ngày 06/7/2023 của chị Lê Thị Mỹ N (Bản chính); 07 Biên bản lấy lời khai của người làm chứng

chị Lê Kiều H, anh Phạm Hoàng Th, bà Phạm Thị BL, bà Trần Thị P, chị Lê Thị Nh, anh Lê Hùng C và anh Lê Văn Ng ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); Giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số: 213671, số máy: KF25E0049803, số khung: 2502JY100390, nhãn hiệu HONDA, số loại: SH 150, màu sơn: Đen, đăng ký ngày 04 tháng 01 năm 2019, biển kiểm soát 15B3-299.81, tên chủ xe: Phạm Văn Q (Bản phô tô); Tổng quan thị trường vàng năm 2008 (Trang mạng).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X phải trả cho chị 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 thay cho anh Lê Văn L vay mượn chết để lại, chị trực tiếp giao cho anh Lê Văn L nhận 2.000.000 đồng tương đương 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 hiện nay giá 7.342.600 đồng/chỉ, chiếc xe mô tô, loại SH anh Lê Văn L chết để lại có giá trị khoảng 70.000.000 đồng, đồng thời anh Lê Văn X không phải là người thừa kế duy nhất và là người thừa kế tài sản nói trên của anh Lê Văn L, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Văn X gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn X gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X phải trả cho chị 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 thay cho anh Lê Văn L vay mượn chết để lại. Qua trình bày và yêu cầu của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ xác định được vào năm 2008, anh Lê Văn L có mượn của chị Lê Thị Mỹ N 2.000.000 đồng, nay anh Lê Văn X thừa nhận và đồng ý trả nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Lê Văn X trả nợ thay cho anh Lê Văn L, bác yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X phải trả thay cho anh Lê Văn L vay mượn 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 chết để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu bị đơn anh Lê Văn X trả nợ thay người chết để lại. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 615 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lê Văn X biết và ấn định thời gian để anh Lê Văn X có ý kiến về việc chị Lê Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu anh trả nợ thay người chết để lại. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Văn X vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Lê Văn X thì anh gửi đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án. Đồng thời, tại phiên toà hôm nay chị Lê Thị Mỹ N không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Văn X theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng vay tài sản giữa chị Lê Thị Mỹ N và anh Lê Văn L được xác lập bằng văn bản, sau đó anh Lê Văn L có ghi vào 208 anh có mượn Mỹ Nương hai triệu nhưng Mỹ Nương nói bằng 02 chỉ vàng anh vẫn đồng ý, ký và ghi rõ họ và tên Lê Văn L, không ghi rõ ngày tháng năm, không ghi lãi, thời hạn trả, quyền và nghĩa vụ của các bên chưa phù hợp theo quy định từ Điều 463 đến Điều 468 của Bộ luật dân sự. Anh Lê Văn L chết ngày 13 tháng 3 năm 2023, chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu người quản lý di sản của anh Lê Văn L thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay người chết để lại trong phạm vi tài sản người chết để lại là chiếc xe mô tô theo Giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy số: 213671, số máy: KF25E0049803, số khung: 2502JY100390, nhãn hiệu HONDA, số loại: SH 150, màu sơn: Đen, đăng ký ngày 04 tháng 01 năm 2019, biển kiểm soát 15B3-299.81. Do đó cần xem xét theo quy định pháp luật.

Xét khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X phải trả cho chị 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, anh Lê Văn X thừa nhận khi anh Lê Văn L còn sống có vay của chị Lê Thị Mỹ N 2.000.000 đồng và anh đồng ý trả nợ thay cho anh Lê Văn L 2.000.0000 đồng, anh không đồng ý trả cho chị Lê Thị Mỹ N 02

chỉ vàng 24k, loại vàng 9999, vì anh không có vay mượn tiền và vàng của chị Lê Thị Mỹ N, anh Lê Văn L cũng không bàn giao nghĩa vụ trả nợ thay cho anh Lê Văn L. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ N và trình bày của anh Lê Văn X, người làm chứng chị Lê Kiều H, anh Phạm Hoàng Th, bà Phạm Thị BL và chị Lê Thị Nh cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nhau, khi anh Lê Văn L còn sống có mượn của chị Lê Thị Mỹ N 2.000.000 đồng là có thật theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nay chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho anh Lê Văn L 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 theo tờ giấy không ghi ngày tháng năm với nội dung anh Lê Văn L mượn 2.000.000 đồng nhưng chị Lê Thị Mỹ N nói bằng 02 chỉ vàng anh Lê Văn L vẫn đồng ý; tại thời điểm vào năm 2008, 01 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 có giá trị tương đương 1.900.000 đồng, 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 có giá trị 3.800.000 đồng, mặt dù anh Lê Văn L đồng ý nhưng thỏa thuận trên vượt mức cho phép là trái với quy định tại Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 nay là Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đồng thời, người làm chứng bà Trần Thị P, anh Lê Hùng C và anh Lê Văn Ng không biết anh Lê Văn L mượn vàng hay tiền của chị Lê Thị Mỹ N số lượng bao nhiêu, nhưng chị Lê Thị Mỹ N yêu cầu anh Lê Văn X trả cho chị Lê Thị Mỹ N thay cho anh Lê Văn L 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 hoặc 10.000.000 đồng là hợp tình, hợp lý là chưa phù hợp và không có căn cứ, vì bà Trần Thị P, anh Lê Hùng C và anh Lê Văn Ng không xác định được số lượng mượn bao nhiêu vàng, tiền mà xác định buộc anh Lê Văn X trả cho chị Lê Thị Mỹ N 02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 hoặc 10.000.000 đồng là hợp tình, hợp lý là vô căn cứ. Ngoài ra, anh Lê Văn X không phải là người được thừa kế di sản và là người thừa kế duy nhất của anh Lê Văn L chết để lại.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và ghi nhận sự tự nguyện trả nợ thay của anh Lê Văn X, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ N, buộc anh Lê Văn X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay người chết để lại cho chị Lê Thị Mỹ N số tiền là 2.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 615 Bộ luật dân sự.

Bác một phần yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ N đòi anh Lê Văn X thực hiện trả nợ thay số tiền chênh lệch là 12.385.200 đồng (02 chỉ vàng 24k, loại 9999 x 7.342.600 đồng/ chỉ = 14.385.200 đồng - 2.000.000 đồng).

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 467, Điều 468 và khoản 2 Điều 615 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện trả nợ thay của anh Lê Văn X, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ N. Buộc anh Lê Văn X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay người chết để lại cho chị Lê Thị Mỹ N số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền theo thời gian hẹn trả nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Bác một phần yêu cầu của chị Lê Thị Mỹ N đòi anh Lê Văn X thực hiện trả nợ thay số tiền chênh lệch là 12.385.200 đồng (02 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 x 7.342.600 đồng/ chỉ = 14. 385.200 đồng – 2.000.000 đồng).

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 634.260 đồng (12.385.200 đồng x 5%), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008874 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Lê Thị Mỹ N còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 334.260 đồng.

Buộc anh Lê Văn X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/4/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo